

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hoàng.

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Liên Anh;

Bà Nguyễn Thu Hồng.

*-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký TAND
Thành phố Hà Nội.*

*- Đại diện VKSND Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Như Q - Kiểm sát viên.*

Ngày 04/9/2025 tại trụ sở TAND Thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 412/2025/TLPT-DS ngày 30/6/2025 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DSST ngày 14/4/2025 của TAND quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội (*Nay là: TAND khu vực 3 - Hà Nội*) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 549/2025/QĐ-PT ngày 24/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 620/QĐ-PT ngày 14/8/2025 của TAND Thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S. Trụ sở: 266 - B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (*Trước đây là: 266 - 268 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh*). *Người đại diện theo pháp luật:* Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng Giám đốc. *Pháp nhân đại diện theo ủy quyền:* Công ty TNHH MTV Q1 và khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty S1) (*Theo Giấy ủy quyền số 3815/2024/GUQ-PC ngày 10/12/2024*). Địa chỉ: Số B, đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (*Trước đây là: Số B, đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh*). *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phan Tấn D1 - Tổng giám đốc. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Thanh H - Nhân viên Công ty TNHH MTV Q1 và khai thác tài sản Ngân hàng S2. *Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến H1, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Căn hộ B L, phường H, TP . (*Trước đây là: Căn hộ 3626, Tòa HH2B, Bán đảo L, phường H, quận H, TP .*). *Vắng mặt.*

3. Người kháng cáo: Ngân hàng TMCP S là nguyên đơn. *Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án, tại cấp sơ thẩm:

1. Nguyên đơn do đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 16/11/2017, ông Nguyễn Tiến H1 có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (Bao gồm: *Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng*

kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông H1, ngày 16/11/2017 Ngân hàng đã chấp thuận đề nghị của ông H1 và phê duyệt cấp thẻ tín dụng cho ông H1 với hạn mức sử dụng 67.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 849.257.785 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 805.583.000 đồng (Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng trừ phí, lãi trước, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/6/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn là $(2,4\% / \text{tháng} \times 150\%) = 3,6\% / \text{tháng}$. Tính đến ngày 13/02/2025, ông H1 còn nợ các khoản sau: Nợ gốc là 77.180.394 đồng, lãi quá hạn là 124.938.984 đồng, tổng cộng là 202.119.378 đồng. Nay nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông H1 phải trả ngay nguyên đơn tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/02/2025 là 202.119.378 đồng, trong đó nợ gốc là 77.180.394 đồng, lãi quá hạn là 124.938.984 đồng và có trách nhiệm trả khoản lãi phát sinh từ sau ngày 13/02/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Tiến H1 đã được tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy báo, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, ông H1 không đến Tòa án để làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn yêu cầu: Buộc ông H1 phải trả tổng số tiền tính đến ngày 14/4/2025 là 207.676.338 đồng, trong đó nợ gốc là 77.180.394 đồng, lãi quá hạn là 130.495.944 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn: Vắng mặt tại phiên tòa và không gửi quan điểm, ý kiến bằng văn bản đến Hội đồng xét xử.

Quan điểm của VKSND quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội (Nay là: VKSND khu vực 3 - Hà Nội): Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H1 phải trả số tiền nợ gốc là 66.998.810 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DSST ngày 14/4/2025 của TAND quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội (**Nay là:** TAND khu vực 3 - Hà Nội). **Quyết**

định:

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về việc đòi ông Nguyễn Tiến H1 trả số tiền nợ phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký kết ngày 16/11/2017:

1. Buộc ông Nguyễn Tiến H1 trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 14/4/2025 là 188.910.179 đồng (Một trăm tám mươi tám triệu, chín trăm mười nghìn, một trăm bảy mươi chín đồng), gồm: Nợ gốc là 66.998.810 đồng (Sáu mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, tám trăm mười đồng); tiền lãi trong hạn và phí là 10.181.584 đồng (Mười triệu, một trăm tám mươi một nghìn, năm trăm tám mươi tư đồng); tiền lãi quá hạn là 111.729.785 đồng (Một trăm mười một triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, bảy trăm tám mươi lăm đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP S là nguyên đơn, kháng cáo bản án sơ thẩm số 21/2025/DSST ngày 14/4/2025. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm. Nguyên đơn nộp đơn xin giải quyết mặt và trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Nộp đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng.

Bị đơn: Vắng mặt tại phiên tòa, không gửi quan điểm, ý kiến bằng văn bản đến Hội đồng xét xử phúc thẩm.

Kiểm sát viên VKSND Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm: Sau khi đánh giá phân tích về nội dung vụ án theo Bản phát biểu được lưu trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Tòa án cấp sơ thẩm tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Người kháng cáo thực hiện quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.
- Nguyên đơn kháng cáo vắng mặt; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn, không kháng cáo đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành phiên tòa vắng mặt các đương sự.

[2]. Về Nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

Nguyên đơn xác định toàn bộ dư nợ thẻ là 77.180.394 đồng (*bao gồm cả số tiền giao dịch chưa thanh toán, lãi trong hạn, phí trễ hạn, phí vượt hạn mức*) là nợ gốc quá hạn và yêu cầu ông H1 trả số tiền nợ gốc là 77.180.394 đồng. Xét thấy, cách tính nợ gốc của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận của hai bên tại khoản 1.9 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng về xác định “Dư nợ”, nhưng không phù hợp với quy định về “dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn” tại điểm a khoản 11 Điều 2 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng dẫn đến lãi chồng lãi bởi Ngân hàng đã nhập cả số tiền lãi và phí vào để xác định số tiền nợ gốc là không đúng với quy định của pháp luật.

Ông H1 được Ngân hàng TMCP S cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 67.000.000 đồng, tức là chủ thẻ chỉ được sử dụng không được vượt quá hạn mức thẻ được cấp. Do vậy, cấp sơ thẩm xác định số tiền nợ gốc tại kỳ giao dịch ngày 05/9/2020 là 66.998.810 đồng và số tiền 10.400.000 đồng mà ông H1 đã thanh toán ở các kỳ giao dịch sau ngày 05/9/2020 được trừ vào một phần tiền phí trễ hạn (737.821 đồng), phí vượt hạn mức (240.235 đồng), phí thường niên (999.000 đồng) và lãi trong hạn (7.538.254 đồng). Theo Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N, Cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Xác nhận số tiền gốc mà ông H1 còn nợ là 66.998.810 đồng; buộc ông H1 trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc 66.998.810 đồng là có căn cứ.

Theo Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016; điểm a khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền lãi trong hạn là 7.850.818 đồng, phí trễ hạn là 1.804.792 đồng, phí vượt hạn mức là 526.024 đồng, tổng cộng là 10.181.584 đồng là đúng quy định pháp luật.

Đối với việc nguyên đơn yêu cầu ông H1 phải trả số tiền lãi quá hạn tính từ ngày chuyển nợ quá hạn (*ngày 06/6/2021*) đến ngày xét xử sơ thẩm (*ngày 14/4/2025*) với mức lãi suất là 2,4%/tháng. Xét thấy, theo Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng TMCP S về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ T phát hành tại Việt Nam do Ngân hàng cung cấp thì lãi suất thẻ tín dụng quốc tế Visa Platinum là 28,8%/năm. Do nguyên đơn yêu cầu ông H1 trả số tiền nợ gốc là 77.180.394 đồng nhưng chỉ được chấp nhận số tiền nợ gốc là 66.998.810 đồng. Nên Tòa sơ thẩm xác định số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 06/6/2021 đến ngày 14/4/2025 đối với số nợ gốc được xác nhận là 66.998.810 đồng x 28,8%/365 ngày x 150% x 1409 ngày = 111.729.785 đồng. Đối chiếu với Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, điểm c khoản 4

Điều 13, Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 14/4/2025 là 111.729.785 đồng là có căn cứ pháp luật.

Từ phân tích nhận định trên. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP S. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DSST ngày 14/4/2025 của TAND quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội (*Nay là*: TAND khu vực 3 - Hà Nội).

Quan điểm của kiểm sát viên là đúng quy định pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3]. Về án phí:

Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định về án phí dân sự sơ thẩm của cấp sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải án phí dân sự phúc thẩm. Được đối trừ với tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 148, 296 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 2 Điều 91; Điều 95; khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP S. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DSST ngày 14/4/2025 của TAND quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội (*Nay là*: TAND khu vực 3 - Hà Nội).

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về việc đòi ông Nguyễn Tiến H1 trả số tiền nợ phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký kết ngày 16/11/2017.

Buộc ông Nguyễn Tiến H1 phải trả Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/4/2025 là 188.910.179 (*Một trăm tám mươi tám triệu, chín trăm mười nghìn, một trăm bảy mươi chín*) đồng, gồm: Nợ gốc là 66.998.810 đồng; tiền lãi trong hạn và phí là 10.181.584 đồng; tiền lãi quá hạn là 111.729.785 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

3.1. Ngân hàng TMCP S phải chịu 938.307 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được đối trừ với số tiền 3.751.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0034158 ngày 01/11/2024 và số 0034953 ngày 06/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội (*Nay là: Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Hà Nội*). Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP S số tiền 2.812.693 (*Hai triệu, tám trăm mười hai nghìn, sáu trăm chín mươi ba*) đồng.

3.2. Buộc ông Nguyễn Tiến H1 phải chịu 9.445.508 (*Chín triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn, năm trăm linh tám*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- TAND khu vực 3 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 3 – Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Minh Hoàng